TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 18-10-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Phong.

2. Ông Lâm Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C. Địa chỉ: 169 Phố Linh Đ, phường H, quận H, HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân B (Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1947. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

2.2 Chị Phan Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

2.3 Chị Phan Thị M, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Phan Thời A, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện nguyên đơn ông Hà Xuân B, trình bày: Bà Q có vay vốn tại Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện HN (viết tắt: Ngân hàng), cụ thể:

- Khoản vay thuộc chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Ngày 17/9/2009 vay số tiền là 5.000.000đ, theo khế ước vay số 6000005100230058, lãi suất 0,9%/tháng. Ngày 19/4/2010 thì bà Q trả được 600.000đ tiền gốc và trả lãi hàng tháng từ đến ngày 31/01/2014 được 602.800đ. Tiền lãi tính từ ngày 19/4/2010 đến ngày 20/10/2017 là 3.564.000đ đã trả được 602.800đ nên còn nợ lãi là 2.961.200đ. Hiện dư nợ gốc là 4.400.000đ, tiền lãi 2.961.200đ, tổng cộng gốc lãi là 7.361.200đ. Việc bà Q không trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng đã khoanh nợ không phát sinh lãi thêm.

- Khoản vay thuộc chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn:

+ Đối với khoản vay cho sinh viên là chị Phan Thị M: Ngày 23/10/2007 vay 24.000.000đ, theo khế ước vay 6000005100212735. Cụ thể:

Ngày 30/11/2009 bà Q nhận số tiền vay 16.000.000đ. Ngày 26/8/2009 theo Quyết định 1344/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì mức vay được nâng lên từ 8.000.000đ/năm/sv lên 8.600.000đ/năm/sv nhưng sinh viên M không có nhu cầu chỉnh sửa mức vay nên vẫn nhận là 8.000.000/năm/sv tức là 4.000.000/học kỳ.

Ngày 19/4/2010 vay 4.000.000đ.

Ngày 19/10/2010 vay 4.000.000đ.

Như vậy, Tổng số tiền bà Q vay cho sinh viên M là 24.000.000đ. Sau đó, chị M đã trả món vay của mình là 24.000.000đ, cụ thể: Ngày 22/02/2016 trả 8.000.000đ, ngày 28/6/2016 trả 16.000.000đ.

+ Đối với khoản vay cho sinh viên là chị Phan Thị H, theo khế ước vay 6000005100212736, cụ thể:

Ngày 30/11/2009 vay 4.300.000đ;

Ngày 19/4/2010 vay 4.300.000đ;

Ngày 07/3/2011 vay 8.600.000đ;

Ngày 19/12/2011 vay 10.000.000đ, theo quyết định số 853/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/6/2011 nâng mức vay vốn tối đa 10.000.000đ/năm/sv.

Như vậy, tổng khoản vay gốc của chị H cho 04 học kỳ là 27.200.000đ, tiền lãi tính từ ngày 30/11/2009 đến ngày 22/4/2019 là 15.395.196đ. Từ ngày 22/7/2017 chuyển nợ quá hạn với lãi suất là 130% lãi suất vay, không phát sinh trả nợ lãi, nợ gốc.

Các khoản vay trên đã quá hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bà Q, chị H, chị M và từng khởi kiện bà Q đến Tòa án và bà Q cũng đã cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ. Trong đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bà Q, chị H, chị M trả tổng cộng gốc là 31.600.000đ, lãi là 18.356.396, vì do cộng sai nên Ngân hàng ghi là tổng cộng là 47.794.403đ là không đúng, cộng hai khoản vay lại chính xác là 49.956.396đ. Ngân hàng cho vay theo hộ gia đình do đó Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị H, chị Phan Thị M liên đới trả tiền vay còn nợ gồm: khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn tiền gốc 4.400.000đ, tiền lãi 2.961.200đ và khoản vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn gốc là 27.200.000đ, lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 là 15.395.196đ. Tổng cộng là 49.956.396đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6000005100212736, 6000005100230058 cho đến khi nào trả nợ xong.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị H, chị Phan Thị M đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Q, chị H, chị M vẫn không có mặt, chị H, chị M vẫn không trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Q, trình bày: Bà có vay tiền Ngân hàng C nhưng không nhớ vay khi nào và bao nhiêu tiền, chỉ nhớ có giấy tờ, hiện tại bà bị bệnh mù mắt, từ lúc vay không có đóng tiền lãi. Cán bộ Tòa án có đọc cho bà nghe nội dung khởi kiện của Ngân hàng C nhưng bà vẫn không nhớ vay bao nhiêu tiền, lãi ra sao. Bà chỉ nhớ cách nay 03 năm thì chị M có từng trả 16.000.000đ. Chị M, chị H hiện đã đi làm, số nợ còn lại chờ người thân ở Nước ngoài gửi tiền về mới trả được. Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà, chị H, chị M trả tiền vay còn nợ gốc là 31.600.000đ, tiền lãi 18.356.396đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo khế ước vay, bà thống nhất nợ Ngân hàng số tiền trên nhưng hiện nay chưa có khả năng trả nợ. Bà là người cao tuổi nên yêu cầu được miễn tiền án phí Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2019 người làm chứng: Anh Phan Thời A, trình bày: Anh là con ruột bà Q, anh ruột chị H, chị M. Anh biết bà Q có vay tiền vệ sinh nước sạch, chị M, chị H có vay tiền học sinh sinh viên nhưng không rõ số tiền vay bao nhiêu, có nghe nói chị M có trả nợ nhưng không biết trả được bao nhiêu. Lúc Tòa án lấy lời khai của bà Q có mặt anh.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị H, chị Phan Thị M liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 31.600.000đđ và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M, chị Phan Thị H trả tiền vay còn nợ là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và bà Q, chị M, chị M cư trú tại ấp L, xã A, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M, chị Phan Thị H, người làm chứng anh Phan Thời A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà Q, chị H, chị M, anh A vắng mặt, không có lý do nhưng anh A đã có lời trình bày với Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Q, chị H, chị M, anh A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hà Xuân B yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M, chị Phan Thị H liên đới trả số tiền vay còn nợ gồm: Tiền gốc là 31.600.000đ, tiền lãi 18.356.396đ, cụ thể: Đối với món vay thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, theo khế ước số 6000005100230058 hiện còn nợ số tiền gốc là 4.400.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/10/2017 là 2.961.200đ thì người vay là bà Nguyễn Thị Q còn người thừa kế là chị Phan Thị M. Đối với món vay thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, theo khế ước số 6000005100212736 với số tiền gốc là 27.200.000đ, lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 là 15.395.196đ. Đây là khoản vay bà Q vay cho chị Phan Thị H đi học tại trường Đại học Văn Hiến, ngành Điện tử - Viễn thông, hệ đào tạo: Cao Đẳng, năm học 2009-2012. Bà Q thừa nhận nợ Ngân hàng C số tiền trên và cũng phù hợp với lời khai người làm chứng anh Phan Thời A. Xét, Ngân hàng C cho vay theo hộ gia đình nên việc bà Q, chị M, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay đối với hai món vay trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử, buộc bà Nguyễn Thị Q và chị Phan Thị M, chị Phan Thị H liên đới trả số tiền vay còn nợ: Tiền gốc 31.600.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 là 18.356.396đ. Tổng cộng là 49.956.396đ và tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6000005100212736, 6000005100230058 cho đến khi nào trả nợ xong là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M và chị Phan Thị H mỗi người chịu 832.500đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do bà Q là người cao tuổi và yêu cầu được miễn án phí nên được miễn chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, đ

khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M, chị Phan Thị H liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ: Tiền gốc 31.600.000đ, tiền lãi 18.356.396đ. Tổng cộng 49.956.396đ (Bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

1.2 Bà Nguyễn Thị Q, chị Phan Thị M, chị Phan Thị H tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6000005100212736, 6000005100230058 cho đến khi nào trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Q chịu 832.500đ do bà Q là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn chịu tiền án phí theo quy định.

2.2 Chị Phan Thị M chịu 832.500đ (Tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2.3 Chị Phan Thị H 832.500đ (Tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/10/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung